

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN GIÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 242/TB-TVG

THÔNG BÁO**CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

NĂM HỌC 2022 – 2023

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1874	693	602	579
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1619 86.93%	608 87.73%	476 79.07%	535 92.40%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	182 9.74%	70 10.10%	85 14.12%	27 4.66%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	57 3.04%	10 1.44%	30 4.98%	17 2.94%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	10 1.07%	4 1.87%	6 1.34%	0 0%
II	Số học sinh chia theo học lực	1874	693	602	579
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	417 22.25%	122 17.60%	156 25.91%	139 24.01%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	980 52.29%	396 57.14%	288 47.84%	296 51.12%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	452 24.12%	167 24.10%	142 23.59%	143 24.70%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	19 1.01%	7 1.01%	11 1.83%	1 0.17%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1874	693	602	579
1	Lên lớp thẳng (không thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	1278 98.76%	687 99.13%	591 98.17%	0 0%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	417 22.25%	122 17.60%	156 25.91%	139 24.01%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	980 52.29%	396 57.14%	288 47.84%	296 51.12%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	17 1.33%	6 0.86%	11 1.82%	0 0%
3	Lưu ban thẳng (không thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	05 0.38%	01 0.14%	4 0.66%	00 0%
4	Chuyển trường đến	10	09 0.29%	0 0%	01 0.17%
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	48 2.56%	30 4.32%	15 2.49%	03 0.51%
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	39	03	7	29
1	Cấp tỉnh/thành phố	39	03	7	29
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	0	00	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	579	/	/	579
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	579 100%	/	/	579 100%
VII	Số học sinh thi đạt điểm sàn đại học từ 18 điểm trở lên (tỷ lệ so với tổng số)	521 89,98%	/	/	521 89,98%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	965/909	410/283	282/320	273/306
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	49	12	22	15

Bình Thạnh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Nơi nhận:

-Đưa trang web trường (để công khai);

-Lưu VT.



Hiệu trưởng

Phạm Thị Thu Hồng